

-----\*\*\*-----  
Số: 225 /2025/BC-PTSV

-----\*\*\*-----  
Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN  
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 06/2025**

**Kính gửi:** Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 06/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | BVS                                              |                                                              |                                                               | BVS                                               |
| 2   | CAP                                              |                                                              |                                                               | CAP                                               |
| 3   | CDN                                              |                                                              |                                                               | CDN                                               |
| 4   | CEO                                              |                                                              |                                                               | CEO                                               |
| 5   | CSC                                              |                                                              |                                                               | CSC                                               |
| 6   | DHT                                              |                                                              |                                                               | DHT                                               |
| 7   | DP3                                              |                                                              |                                                               | DP3                                               |
| 8   | DTD                                              |                                                              |                                                               | DTD                                               |
| 9   | DVM                                              |                                                              |                                                               | DVM                                               |
| 10  | DXP                                              |                                                              |                                                               | DXP                                               |
| 11  | HUT                                              |                                                              |                                                               | HUT                                               |
| 12  | IDC                                              |                                                              |                                                               | IDC                                               |
| 13  | IDV                                              |                                                              |                                                               | IDV                                               |
| 14  | INN                                              |                                                              |                                                               | INN                                               |
| 15  | LAS                                              |                                                              |                                                               | LAS                                               |
| 16  | LHC                                              |                                                              |                                                               | LHC                                               |
| 17  | MBS                                              |                                                              |                                                               | MBS                                               |
| 18  | NAG                                              |                                                              |                                                               | NAG                                               |
| 19  | NET                                              |                                                              |                                                               | NET                                               |
| 20  | NTP                                              |                                                              |                                                               | NTP                                               |
| 21  | PLC                                              |                                                              |                                                               | PLC                                               |
| 22  | PSD                                              |                                                              |                                                               | PSD                                               |
| 23  | PVC                                              |                                                              |                                                               | PVC                                               |
| 24  | PVI                                              |                                                              |                                                               | PVI                                               |
| 25  | PVS                                              |                                                              |                                                               | PVS                                               |
| 26  | S99                                              |                                                              |                                                               | S99                                               |



|    |     |     |     |     |
|----|-----|-----|-----|-----|
| 27 | SED |     |     | SED |
| 28 | SHS |     |     | SHS |
| 29 | SLS |     |     | SLS |
| 30 | SZB |     |     | SZB |
| 31 | TMB |     |     | TMB |
| 32 |     |     | TNG | TNG |
| 33 | TVD |     |     | TVD |
| 34 | VC3 |     |     | VC3 |
| 35 | VCS |     |     | VCS |
| 36 | VFS |     |     | VFS |
| 37 | VGS |     |     | VGS |
| 38 | VNR |     |     | VNR |
| 39 | PVB | PVB |     |     |

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | AAA                                              |                                                              |                                                               | AAA                                               |
| 2   | ACB                                              |                                                              |                                                               | ACB                                               |
| 3   | ACG                                              |                                                              |                                                               | ACG                                               |
| 4   | AGG                                              |                                                              |                                                               | AGG                                               |
| 5   | AGR                                              |                                                              |                                                               | AGR                                               |
| 6   |                                                  |                                                              | ANV                                                           | ANV                                               |
| 7   | ASM                                              |                                                              |                                                               | ASM                                               |
| 8   | AST                                              |                                                              |                                                               | AST                                               |
| 9   | BAF                                              |                                                              |                                                               | BAF                                               |
| 10  | BCM                                              |                                                              |                                                               | BCM                                               |
| 11  | BFC                                              |                                                              |                                                               | BFC                                               |
| 12  | BIC                                              |                                                              |                                                               | BIC                                               |
| 13  | BID                                              |                                                              |                                                               | BID                                               |
| 14  | BMC                                              |                                                              |                                                               | BMC                                               |
| 15  | BMI                                              |                                                              |                                                               | BMI                                               |
| 16  | BMP                                              |                                                              |                                                               | BMP                                               |
| 17  | BSI                                              |                                                              |                                                               | BSI                                               |
| 18  | BTP                                              |                                                              |                                                               | BTP                                               |
| 19  | BVH                                              |                                                              |                                                               | BVH                                               |
| 20  | BWE                                              |                                                              |                                                               | BWE                                               |
| 21  | CCL                                              |                                                              |                                                               | CCL                                               |
| 22  | CDC                                              |                                                              |                                                               | CDC                                               |
| 23  | CHP                                              |                                                              |                                                               | CHP                                               |
| 24  | CII                                              |                                                              |                                                               | CII                                               |
| 25  | CLC                                              |                                                              |                                                               | CLC                                               |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 26  |                                                        |                                                                       | CLL                                                                    | CLL                                                        |
| 27  | CMG                                                    |                                                                       |                                                                        | CMG                                                        |
| 28  | CNG                                                    |                                                                       |                                                                        | CNG                                                        |
| 29  | CRC                                                    |                                                                       |                                                                        | CRC                                                        |
| 30  | CSM                                                    |                                                                       |                                                                        | CSM                                                        |
| 31  | CSV                                                    |                                                                       |                                                                        | CSV                                                        |
| 32  | CTD                                                    |                                                                       |                                                                        | CTD                                                        |
| 33  | CTG                                                    |                                                                       |                                                                        | CTG                                                        |
| 34  | CTI                                                    |                                                                       |                                                                        | CTI                                                        |
| 35  | CTR                                                    |                                                                       |                                                                        | CTR                                                        |
| 36  | CTS                                                    |                                                                       |                                                                        | CTS                                                        |
| 37  |                                                        |                                                                       | D2D                                                                    | D2D                                                        |
| 38  | DBC                                                    |                                                                       |                                                                        | DBC                                                        |
| 39  | DBD                                                    |                                                                       |                                                                        | DBD                                                        |
| 40  | DC4                                                    |                                                                       |                                                                        | DC4                                                        |
| 41  | DCL                                                    |                                                                       |                                                                        | DCL                                                        |
| 42  | DCM                                                    |                                                                       |                                                                        | DCM                                                        |
| 43  | DGC                                                    |                                                                       |                                                                        | DGC                                                        |
| 44  | DGW                                                    |                                                                       |                                                                        | DGW                                                        |
| 45  | DHA                                                    |                                                                       |                                                                        | DHA                                                        |
| 46  | DHC                                                    |                                                                       |                                                                        | DHC                                                        |
| 47  | DHG                                                    |                                                                       |                                                                        | DHG                                                        |
| 48  | DIG                                                    |                                                                       |                                                                        | DIG                                                        |
| 49  | DPG                                                    |                                                                       |                                                                        | DPG                                                        |
| 50  | DPM                                                    |                                                                       |                                                                        | DPM                                                        |
| 51  | DPR                                                    |                                                                       |                                                                        | DPR                                                        |
| 52  | DRC                                                    |                                                                       |                                                                        | DRC                                                        |
| 53  | DRL                                                    |                                                                       |                                                                        | DRL                                                        |
| 54  | DSE                                                    |                                                                       |                                                                        | DSE                                                        |
| 55  | DSN                                                    |                                                                       |                                                                        | DSN                                                        |
| 56  | DVP                                                    |                                                                       |                                                                        | DVP                                                        |
| 57  | DXG                                                    |                                                                       |                                                                        | DXG                                                        |
| 58  | E1VFN30                                                |                                                                       |                                                                        | E1VFN30                                                    |
| 59  | EIB                                                    |                                                                       |                                                                        | EIB                                                        |
| 60  | ELC                                                    |                                                                       |                                                                        | ELC                                                        |
| 61  | EVF                                                    |                                                                       |                                                                        | EVF                                                        |
| 62  | FMC                                                    |                                                                       |                                                                        | FMC                                                        |
| 63  | FPT                                                    |                                                                       |                                                                        | FPT                                                        |
| 64  | FRT                                                    |                                                                       |                                                                        | FRT                                                        |
| 65  | FTS                                                    |                                                                       |                                                                        | FTS                                                        |
| 66  |                                                        |                                                                       | FUESSVFL                                                               | FUESSVFL                                                   |

10/11/2018

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 67  | FUEVFNVD                                               |                                                                       |                                                                        | FUEVFNVD                                                   |
| 68  | GAS                                                    |                                                                       |                                                                        | GAS                                                        |
| 69  | GDT                                                    |                                                                       |                                                                        | GDT                                                        |
| 70  | GEE                                                    |                                                                       |                                                                        | GEE                                                        |
| 71  | GEG                                                    |                                                                       |                                                                        | GEG                                                        |
| 72  | GEX                                                    |                                                                       |                                                                        | GEX                                                        |
| 73  | GMD                                                    |                                                                       |                                                                        | GMD                                                        |
| 74  | GSP                                                    |                                                                       |                                                                        | GSP                                                        |
| 75  | GVR                                                    |                                                                       |                                                                        | GVR                                                        |
| 76  | HAH                                                    |                                                                       |                                                                        | HAH                                                        |
| 77  | HAX                                                    |                                                                       |                                                                        | HAX                                                        |
| 78  | HCD                                                    |                                                                       |                                                                        | HCD                                                        |
| 79  | HCM                                                    |                                                                       |                                                                        | HCM                                                        |
| 80  | HDB                                                    |                                                                       |                                                                        | HDB                                                        |
| 81  | HDC                                                    |                                                                       |                                                                        | HDC                                                        |
| 82  | HDG                                                    |                                                                       |                                                                        | HDG                                                        |
| 83  | HHP                                                    |                                                                       |                                                                        | HHP                                                        |
| 84  | HHS                                                    |                                                                       |                                                                        | HHS                                                        |
| 85  | HHV                                                    |                                                                       |                                                                        | HHV                                                        |
| 86  | HPG                                                    |                                                                       |                                                                        | HPG                                                        |
| 87  | HSG                                                    |                                                                       |                                                                        | HSG                                                        |
| 88  | HT1                                                    |                                                                       |                                                                        | HT1                                                        |
| 89  | HTG                                                    |                                                                       |                                                                        | HTG                                                        |
| 90  | HTI                                                    |                                                                       |                                                                        | HTI                                                        |
| 91  | HTN                                                    |                                                                       |                                                                        | HTN                                                        |
| 92  | HUB                                                    |                                                                       |                                                                        | HUB                                                        |
| 93  | IJC                                                    |                                                                       |                                                                        | IJC                                                        |
| 94  | ILB                                                    |                                                                       |                                                                        | ILB                                                        |
| 95  | IMP                                                    |                                                                       |                                                                        | IMP                                                        |
| 96  | ITC                                                    |                                                                       |                                                                        | ITC                                                        |
| 97  | KBC                                                    |                                                                       |                                                                        | KBC                                                        |
| 98  | KDH                                                    |                                                                       |                                                                        | KDH                                                        |
| 99  | KHG                                                    |                                                                       |                                                                        | KHG                                                        |
| 100 | KHP                                                    |                                                                       |                                                                        | KHP                                                        |
| 101 | KSB                                                    |                                                                       |                                                                        | KSB                                                        |
| 102 | LBM                                                    |                                                                       |                                                                        | LBM                                                        |
| 103 | LCG                                                    |                                                                       |                                                                        | LCG                                                        |
| 104 | LHG                                                    |                                                                       |                                                                        | LHG                                                        |
| 105 | LIX                                                    |                                                                       |                                                                        | LIX                                                        |
| 106 | LPB                                                    |                                                                       |                                                                        | LPB                                                        |
| 107 | LSS                                                    |                                                                       |                                                                        | LSS                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 108 | MBB                                                    |                                                                       |                                                                        | MBB                                                        |
| 109 |                                                        |                                                                       | MCM                                                                    | MCM                                                        |
| 110 | MIG                                                    |                                                                       |                                                                        | MIG                                                        |
| 111 | MSB                                                    |                                                                       |                                                                        | MSB                                                        |
| 112 | MSH                                                    |                                                                       |                                                                        | MSH                                                        |
| 113 | MSN                                                    |                                                                       |                                                                        | MSN                                                        |
| 114 | MWG                                                    |                                                                       |                                                                        | MWG                                                        |
| 115 | NAB                                                    |                                                                       |                                                                        | NAB                                                        |
| 116 | NAF                                                    |                                                                       |                                                                        | NAF                                                        |
| 117 | NCT                                                    |                                                                       |                                                                        | NCT                                                        |
| 118 | NHA                                                    |                                                                       |                                                                        | NHA                                                        |
| 119 | NHH                                                    |                                                                       |                                                                        | NHH                                                        |
| 120 | NKG                                                    |                                                                       |                                                                        | NKG                                                        |
| 121 | NLG                                                    |                                                                       |                                                                        | NLG                                                        |
| 122 | NNC                                                    |                                                                       |                                                                        | NNC                                                        |
| 123 | NSC                                                    |                                                                       |                                                                        | NSC                                                        |
| 124 |                                                        |                                                                       | NT2                                                                    | NT2                                                        |
| 125 | NTL                                                    |                                                                       |                                                                        | NTL                                                        |
| 126 | OCB                                                    |                                                                       |                                                                        | OCB                                                        |
| 127 | PAC                                                    |                                                                       |                                                                        | PAC                                                        |
| 128 | PAN                                                    |                                                                       |                                                                        | PAN                                                        |
| 129 | PC1                                                    |                                                                       |                                                                        | PC1                                                        |
| 130 | PDR                                                    |                                                                       |                                                                        | PDR                                                        |
| 131 | PET                                                    |                                                                       |                                                                        | PET                                                        |
| 132 | PGC                                                    |                                                                       |                                                                        | PGC                                                        |
| 133 | PGD                                                    |                                                                       |                                                                        | PGD                                                        |
| 134 | PHR                                                    |                                                                       |                                                                        | PHR                                                        |
| 135 | PLX                                                    |                                                                       |                                                                        | PLX                                                        |
| 136 | PNJ                                                    |                                                                       |                                                                        | PNJ                                                        |
| 137 | POW                                                    |                                                                       |                                                                        | POW                                                        |
| 138 | PPC                                                    |                                                                       |                                                                        | PPC                                                        |
| 139 | PTB                                                    |                                                                       |                                                                        | PTB                                                        |
| 140 | PVD                                                    |                                                                       |                                                                        | PVD                                                        |
| 141 | PVP                                                    |                                                                       |                                                                        | PVP                                                        |
| 142 | PVT                                                    |                                                                       |                                                                        | PVT                                                        |
| 143 |                                                        |                                                                       | RAL                                                                    | RAL                                                        |
| 144 | REE                                                    |                                                                       |                                                                        | REE                                                        |
| 145 | SAB                                                    |                                                                       |                                                                        | SAB                                                        |
| 146 | SAM                                                    |                                                                       |                                                                        | SAM                                                        |
| 147 | SBA                                                    |                                                                       |                                                                        | SBA                                                        |
| 148 | SBT                                                    |                                                                       |                                                                        | SBT                                                        |


  
C. TY
   
HANH
   
KHOC
   
TRE

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 149 | SCR                                                    | SCR                                                                   |                                                                        |                                                            |
| 150 | SCS                                                    |                                                                       |                                                                        | SCS                                                        |
| 151 | SGN                                                    |                                                                       |                                                                        | SGN                                                        |
| 152 | SHB                                                    |                                                                       |                                                                        | SHB                                                        |
| 153 | SHI                                                    |                                                                       |                                                                        | SHI                                                        |
| 154 | SHP                                                    |                                                                       |                                                                        | SHP                                                        |
| 155 | SIP                                                    |                                                                       |                                                                        | SIP                                                        |
| 156 | SJD                                                    |                                                                       |                                                                        | SJD                                                        |
| 157 | SJS                                                    |                                                                       |                                                                        | SJS                                                        |
| 158 | SKG                                                    |                                                                       |                                                                        | SKG                                                        |
| 159 | SMB                                                    |                                                                       |                                                                        | SMB                                                        |
| 160 | SSB                                                    |                                                                       |                                                                        | SSB                                                        |
| 161 | SSI                                                    |                                                                       |                                                                        | SSI                                                        |
| 162 | STB                                                    |                                                                       |                                                                        | STB                                                        |
| 163 |                                                        |                                                                       | STK                                                                    | STK                                                        |
| 164 | SZC                                                    |                                                                       |                                                                        | SZC                                                        |
| 165 | SZL                                                    |                                                                       |                                                                        | SZL                                                        |
| 166 | TCB                                                    |                                                                       |                                                                        | TCB                                                        |
| 167 | TCH                                                    |                                                                       |                                                                        | TCH                                                        |
| 168 | TCL                                                    |                                                                       |                                                                        | TCL                                                        |
| 169 | TCM                                                    |                                                                       |                                                                        | TCM                                                        |
| 170 | TDM                                                    |                                                                       |                                                                        | TDM                                                        |
| 171 | TDP                                                    |                                                                       |                                                                        | TDP                                                        |
| 172 | THG                                                    |                                                                       |                                                                        | THG                                                        |
| 173 | TIP                                                    |                                                                       |                                                                        | TIP                                                        |
| 174 | TLG                                                    |                                                                       |                                                                        | TLG                                                        |
| 175 | TNH                                                    | TNH                                                                   |                                                                        |                                                            |
| 176 | TPB                                                    |                                                                       |                                                                        | TPB                                                        |
| 177 | TRA                                                    |                                                                       |                                                                        | TRA                                                        |
| 178 | TRC                                                    |                                                                       |                                                                        | TRC                                                        |
| 179 | TTA                                                    |                                                                       |                                                                        | TTA                                                        |
| 180 | TV2                                                    |                                                                       |                                                                        | TV2                                                        |
| 181 | VCB                                                    |                                                                       |                                                                        | VCB                                                        |
| 182 | VCG                                                    |                                                                       |                                                                        | VCG                                                        |
| 183 | VCI                                                    |                                                                       |                                                                        | VCI                                                        |
| 184 | VDS                                                    |                                                                       |                                                                        | VDS                                                        |
| 185 | VFG                                                    |                                                                       |                                                                        | VFG                                                        |
| 186 | VGC                                                    |                                                                       |                                                                        | VGC                                                        |
| 187 | VHC                                                    |                                                                       |                                                                        | VHC                                                        |
| 188 | VHM                                                    |                                                                       |                                                                        | VHM                                                        |
| 189 | VIB                                                    |                                                                       |                                                                        | VIB                                                        |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 190 | VIC                                              |                                                              |                                                               | VIC                                               |
| 191 | VIP                                              |                                                              |                                                               | VIP                                               |
| 192 | VIX                                              |                                                              |                                                               | VIX                                               |
| 193 |                                                  |                                                              | VJC                                                           | VJC                                               |
| 194 | VND                                              |                                                              |                                                               | VND                                               |
| 195 | VNM                                              |                                                              |                                                               | VNM                                               |
| 196 | VOS                                              |                                                              |                                                               | VOS                                               |
| 197 | VPB                                              |                                                              |                                                               | VPB                                               |
| 198 | VPD                                              |                                                              |                                                               | VPD                                               |
| 199 | VRE                                              |                                                              |                                                               | VRE                                               |
| 200 | VSC                                              |                                                              |                                                               | VSC                                               |
| 201 | VSH                                              |                                                              |                                                               | VSH                                               |
| 202 | VTO                                              |                                                              |                                                               | VTO                                               |
| 203 | VTP                                              |                                                              |                                                               | VTP                                               |
| 204 |                                                  |                                                              | YEG                                                           | YEG                                               |

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://pinetree.vn/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

**Người lập**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Phan Thị Phương Thủy**

**Kiểm soát**

(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Khánh Nam**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Lee Jun Hyuck**

